

504700000

BỊ CHÚ_OBSERVATIONS

*Hộ chiếu này cấp thay hộ chiếu
số B7684689 cấp ngày 21/03/2013*

*This passport replaces the passport
No. B7684689 which was issued
on Mar 21st 2013*

TLSQ VIỆT NAM TẠI PHŨ-CU-Ô-CA
Consulate General of VietNam in Fukuoka



00007403

BỊ CHÚ_OBSERVATIONS



THỊ THỰC VISA

THỊ THỰC VISA

VIET NAM - IMMIGRATION
324A
0 4 OCT 2022
NỘI BÀI

VIET NAM - IMMIGRATION
270A
1 4 OCT 2022
NỘI BÀI

VIET NAM - IMMIGRATION
148A
2 7 APR 2023
NỘI BÀI

VIET NAM - IMMIGRATION
264A
1 0 MAY 2023
NỘI BÀI

6

7

00470000

THỊ THỰC_VISA

IMMIGRATION
出国
DEPARTED
入国審査官・日本国
FUKUOKA.A.P.
4. OCT. 2022
IMMIGRATION

5174

上陸許可(再)
15. OCT. 2022
FUKUOKA.A.P.
入国審査官・日本国

5233

8

00007103

THỊ THỰC_VISA

IMMIGRATION
出国
DEPARTED
FUKUOKA.A.P.
27. APR. 2023
IMMIGRATION

5269

上陸許可(再)
11. MAY. 2023
FUKUOKA.A.P.
入国審査官・日本国

5228

9

指 定 書
DESIGNATION

氏 名
N A M E

TRAN VAN THANH

国籍・地域
NATIONALITY/REGION

ベトナム

出入国管理及び難民認定法別表第1の2の表の特定技能の項の下欄第1号の規定に基づき、同号に定める活動を行うことのできる本邦の公私の機関及び特定産業分野を次のとおり指定します。

・ 本邦の公私の機関
氏名又は名称 株式会社トクショウ
所在地 長崎県雲仙市国見町多比良戊291番地1

・ 特定産業分野 建設分野

・ 従事する業務区分
土木 (指導者の指示・監督を受けながら、土木施設の新設、改築、維持、修繕に係る作業等に従事) 及び
建築 (指導者の指示・監督を受けながら、建築物の新築、増築、改築若しくは移転又は修繕若しくは模様替に係る作業等に
従事)

とする。



日本国法務大臣
MINISTER OF JUSTICE, JAPANESE GOVERNMENT